|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hệ thống thông tin | Mô hình quan niệm dữ liệu | Trang |
| Ứng dụng:  Quản lý công tác thực tập tốt nghiệp | Mô tả thực thể:  -Người hướng dẫn thực tập | Ngày lập  Người lập |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tắt thuộc tính | Diễn giải | Loại giá trị | Kiểu dữ liệu | Miền giá trị | Chiều dài(ký tự) | Ghi chú |
| MaNHD | Mã người hướng dẫn | Bắt buộc | Varchar | Ràng buộc toàn vẹn | 15 | Khóa chính, duy nhất |
| TenNHD | Tên của người hướng dẫn | Bắt buộc | Varchar | Ràng buộc toàn vẹn | 50 |  |
| ChucVu | Chức vụ người hướng dẫn tại đơn vị thực tập | Bắt buộc | Varchar | Ràng buộc toàn vẹn | 30 |  |
| SDT | Số điện thoại của người hướng dẫn | Bắt buộc | Varchar | Ràng buộc toàn vẹn | 10 |  |
| Email | Email của người hướng dẫn | Bắt buộc | Varchar | Ràng buộc toàn vẹn | 50 |  |
| MaDV(fk) | Mã đơn vị nơi thực tập | Bắt buộc | Varchar | Ràng buộc toàn vẹn | 10 |  |

Chiều dài tổng cộng: 165 ký tự

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hệ thống thông tin | Mô hình quan niệm dữ liệu | Trang |
| Ứng dụng:  Quản lý công tác thực tập tốt nghiệp | Mô tả thực thể:  -Sinh Viên | Ngày lập  Người lập |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tắt thuộc tính | Diễn giải | Loại giá trị | Kiểu dữ liệu | Miền giá trị | Chiều dài(ký tự) | Ghi chú |
| MaSV | Mã sinh viên | Bắt buộc | Varchar | Ràng buộc toàn vẹn | 15 | Khóa chính, duy nhất |
| TenSV | Tên của sinh viên | Bắt buộc | Varchar | Ràng buộc toàn vẹn | 50 |  |
| GioiTinh | Giới tính sinh viên | Bắt buộc | Varchar | Ràng buộc toàn vẹn | 5 |  |
| NgaySinh | Ngày sinh của sinh viên | Bắt buộc | DateTime | Ràng buộc toàn vẹn | 10 |  |
| QueQuan | Quê quán của sinh viên | Bắt buộc | Varchar | Ràng buộc toàn vẹn | 50 |  |
| MaNghanh(fk) | Mã nghành | Bắt buộc | Varchar | Ràng buộc toàn vẹn | 10 |  |

Chiều dài tổng cộng: 140 ký tự

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hệ thống thông tin | Mô hình quan niệm dữ liệu | Trang |
| Ứng dụng:  Quản lý công tác thực tập tốt nghiệp | Mô tả thực thể:  -Giảng viên, Trưởng khoa, Phó khoa, Trưởng bộ môn, Phó bộ môn (Chức vụ). | Ngày lập  Người lập |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tắt thuộc tính | Diễn giải | Loại giá trị | Kiểu dữ liệu | Miền giá trị | Chiều dài(ký tự) | Ghi chú |
| MaGV | Mã giảng viên | Bắt buộc | Varchar | Ràng buộc toàn vẹn | 15 | Khóa chính, duy nhất |
| TenGV | Tên của giảng viên | Bắt buộc | Varchar | Ràng buộc toàn vẹn | 50 |  |
| SDT | Số điện thoại giảng viên | Bắt buộc | Varchar | Ràng buộc toàn vẹn | 10 |  |
| Email | Email giảng viên | Bắt buộc | Varchar | Ràng buộc toàn vẹn | 50 |  |
| ChucVu | Chức vụ giảng viên | Bắt buộc | Varchar | Ràng buộc toàn vẹn | 20 |  |
| HocVi | Học vị giảng viên | Bắt buộc | Varchar | Ràng buộc toàn vẹn | 20 |  |
| MaBM | Mã bộ môn | Bắt buộc | Varchar | Ràng buộc toàn vẹn | 10 |  |
| MaKhoa | Mã khoa | Bắt buộc | Varchar | Ràng buộc toàn vẹn | 10 |  |

Chiều dài tổng cộng: 185 ký tự

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hệ thống thông tin | Mô hình quan niệm dữ liệu | Trang |
| Ứng dụng:  Quản lý công tác thực tập tốt nghiệp | Mô tả thực thể:  -Trợ lý giáo vụ | Ngày lập  Người lập |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên tắt thuộc tính | Diễn giải | Loại giá trị | Kiểu dữ liệu | Miền giá trị | Chiều dài(ký tự) | Ghi chú |
|  | Mã giảng viên | Bắt buộc | Varchar | Ràng buộc toàn vẹn | 15 | Khóa chính, duy nhất |
|  | Tên của giảng viên | Bắt buộc | Varchar | Ràng buộc toàn vẹn | 50 |  |
|  | Số điện thoại giảng viên | Bắt buộc | Varchar | Ràng buộc toàn vẹn | 10 |  |
|  | Email giảng viên | Bắt buộc | Varchar | Ràng buộc toàn vẹn | 50 |  |
|  | Chức vụ giảng viên | Bắt buộc | Varchar | Ràng buộc toàn vẹn | 20 |  |
|  | Học vị giảng viên | Bắt buộc | Varchar | Ràng buộc toàn vẹn | 20 |  |
|  | Mã bộ môn | Bắt buộc | Varchar | Ràng buộc toàn vẹn | 10 |  |
|  | Mã khoa | Bắt buộc | Varchar | Ràng buộc toàn vẹn | 10 |  |

Chiều dài tổng cộng: 185 ký tự